

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 222/2019/DSPT
Ngày: 24-12-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Bích Vân**

Ông Phạm Hoàng Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Nguyễn Thị
Thủy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm
2019 về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của
Toà án nhân dân quận N bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 339/2019/QĐPT-DS
ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T (Huê)**, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: 294, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1/1E, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1990
(Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: 116A, đường V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thu C**, sinh năm 1950 (Có mặt)

2/ Ông **Trần Đại L**, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

3/ Ông **Trần Đại Diễm T**, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

4/ Bà **Trần Đại Trân C**, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

5/ Bà **Trần Đại Chúc N**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 107/60/50, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

6/ Ông **Trần Hoàng Tuấn**, sinh năm 1973 (Có mặt)

7/ Ông **Trần Anh Tú**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

8/ Ông **Trần Văn Năm**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

9/ Ông **Trần Hiệp Thuận**, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)
 Cùng địa chỉ: 1/1E, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ..
Người kháng cáo: bị đơn bà Võ Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 18/6/2018 bà có thỏa thuận với bà Võ Thị T về việc chuyển nhượng nhà đất tại 1/1E đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, với giá 1.400.000.000đồng. Khi biết đây là tài sản mà bà Võ Thị T đồng sở hữu với những người khác, bà có yêu cầu bà Võ Thị T dẫn đi gặp những người này để thỏa thuận về việc mua bán. Qua thỏa thuận, các đồng thừa kế khác của bà Võ Thị T như bà Nguyễn Thu C và các con của bà C (vợ và con của ông Trần Đại P – đã mất), anh Trần Hoàng T (là con của ông V- đã mất)... cũng thống nhất việc chuyển nhượng cho bà nhà đất với giá như trên. Do vậy, bà đã đặt cọc cho bà Võ Thị T số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), có làm biên nhận đặt cọc và bà Võ Thị T có ký tên nhận cọc đầy đủ. Sau khi nhận cọc xong, bà Võ Thị T có giao cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà lo thủ tục giấy tờ. Hai bên thỏa thuận thời hạn đến ngày 18/12/2018 sẽ tiến hành ký Hợp đồng chuyển nhượng tại phòng công chứng và bà sẽ trả cho phía bà Võ Thị T số tiền 900.000.000đồng còn lại.

Tuy nhiên, đến ngày 10/7/2018, bà Võ Thị T đổi ý không chịu bán nhà, nên đem sổ tiết kiệm 400.000.000 đồng do bà Võ Thị T đứng tên và 100.000.000đồng tiền mặt sang nhà để trả cho bà với lý do là bà bán lầm giá. Bà không đồng ý nhận sổ, nhận tiền nhưng bà Võ Thị T nói rằng đưa cho bà giữ vì để ở nhà sợ mất trộm, do vậy bà đồng ý giữ chứ không đồng ý nhận lại tiền cọc, vì ý bà trước sau vẫn muốn tiếp tục mua nhà đất này. Đợi lâu không thấy bà Võ Thị T có động thái gì về việc bán nhà, nên bà có đến hỏi thì bà Võ Thị T trả lời là không muốn tiếp tục chuyển nhượng nữa. Thương lượng, nói chuyện với bà Võ Thị T nhiều lần không được nên bà có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường giải quyết tranh chấp nhưng phía bà Võ Thị T vẫn cương quyết cho rằng không muốn tiếp tục chuyển nhượng. Do vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị T phải tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ 1/1E, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho bà theo Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc đã ký ngày 18/6/2018. Nếu không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì phải bồi thường cho bà gấp đôi số tiền cọc đã nhận là 1.000.000.000đồng (một tỉ đồng).

Phía bị đơn – bà Võ Thị T trình bày: Xác định có ký Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc ngày 18/6/2018 với bà Nguyễn Thị T, giá thỏa thuận mua bán là 1.400.000.000 đồng. Bà đã nhận của bà Nguyễn Thị T số tiền cọc là 500 triệu đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận cọc xong về suy tính lại thì bà thấy rằng nếu bán căn nhà với giá như trên thì không đủ tiền mua lại căn nhà khác nên không đồng ý bán nữa. Bà có đến thương lượng lại với bà Nguyễn Thị T về việc không tiếp tục bán nhà nhưng bà

Nguyễn Thị T không đồng ý, do vậy bà đã gọi lại chỗ bà Nguyễn Thị T 01 sổ tiết kiệm 400 triệu đồng mang tên bà (Võ Thị T) và 100 triệu đồng tiền mặt. Nay bà đề nghị bà Nguyễn Thị T nhận lại số tiền 500 triệu đồng và tiền lãi theo sổ tiết kiệm, đồng thời đề nghị bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Có biết việc bà Võ Thị T thỏa thuận chuyển nhượng nhà đất cho bà Nguyễn Thị T với giá 1.400.000.000 đồng như trên, biết việc bà Võ Thị T đã nhận cọc. Nay đối với tranh chấp giữa hai bên thì các anh, chị, ông, bà không có ý kiến gì.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nhận cọc là 500.000.000 đồng và 500.000.000 đồng tiền phạt cọc, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng).

Khi bị đơn trả xong số tiền nêu trên, nguyên đơn có nghĩa vụ giao trả cho bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01325 do Ủy ban nhân dân quận Ncấp ngày 07/01/2009 (tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Hảo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2019 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phải phạt cọc, chỉ đồng ý trả lại tiền cọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp đồng đặt cọc về chuyển nhượng tài sản là nhà và đất. Tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của nhiều người. Các đồng sở hữu chưa chia thừa kế và chưa đăng ký khai nhận thừa kế. Nguyên đơn đồng ý khai nhận tài sản để đảm bảo thực hiện chuyển nhượng nhà và đất. Khi ký các văn bản thỏa thuận giữa các đồng thừa kế của ông N, ông T, H không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng nên bị đơn mới xin trả lại tiền cọc như ban đầu cho nguyên đơn. Trước khi ký đặt cọc, nguyên đơn cũng biết tình trạng sở hữu tài sản và theo quy định của Luật đất đai và Luật Nhà ở thì hợp đồng đặt cọc phải được công chứng nên lỗi là ở cả nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn: không đồng ý với việc kháng cáo, bà đồng ý tiếp tục chuyển nhượng tài sản nếu đại diện bị đơn có thể quyết định trong phiên tòa hôm nay. Nếu không thể quyết định thì đề nghị giữ y án sơ thẩm vì vụ kiện kéo dài mất nhiều thời gian, công sức của bà và bị đơn liên tục thay đổi ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn bà Võ Thị T có ký hợp đồng đặt cọc ngày 18/6/2018, hai bên thỏa thuận mua nhà và đất tại địa chỉ 1/1E, đường M, phường X, quận N, TP. Cần Thơ với giá thỏa thuận là 1.400.000.000đồng. Hai bên có làm hợp đồng đặt cọc, sau đó bị đơn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho nguyên đơn và đã nhận tiền đặt cọc với số tiền là 500.000.000đồng, sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nguyên đơn sẽ giao số tiền còn lại 900.000.000đồng cho bị đơn, nhưng sau đó bị đơn không đồng ý bán nhà và đất nên mang tiền qua nhà trả cho bà Nguyễn Thị T là 100.000.000đồng tiền mặt và sổ tiết kiệm mang tên Võ Thị T ghi số tiền là 400.000.000đồng. Việc bà Võ Thị T đơn phương chấm dứt giao dịch là lỗi trực tiếp của bị đơn nên khi nguyên đơn yêu cầu bồi thường tiền phạt cọc là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 328 BLDS “...nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Ngoài ra, Căn cứ theo hợp đồng thỏa thuận đặt cọc ngày 18/6/2018 có quy định tại mục 4.1 Điều 4 của hợp đồng có quy định nếu bên bán không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì có trách nhiệm hoàn trả gấp đôi số tiền đặt cọc là 500.000.000đồng tiền cọc và 500.000.000đồng tiền phạt cọc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Việc bị đơn kháng cáo cho rằng bản án tuyên xử chưa khách quan, toàn diện và có sự lừa dối của nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc bị đơn chuyển nhượng nhà và đất tại 1/1E đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, với giá 1.400.000.000đồng cho nguyên đơn. Nên nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền 500.000.000đồng và hai bên có làm hợp đồng đặt cọc. Sau khi nhận cọc xong, bị đơn không đồng ý chuyển nhượng nhà và đất cho nguyên đơn và bị

đơn trả lại số tiền cọc ban đầu cho nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết theo quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm xét xử chưa khách quan ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đơn và thời hạn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

[3] Về hợp đồng đặt cọc ngày 18/6/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận bị đơn sẽ chuyển nhượng nhà và đất cho nguyên đơn với giá 1.400.000.000đồng và nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn 500.000.000đồng. Trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận nếu bị đơn không tiếp tục chuyển nhượng nhà và đất cho nguyên đơn thì bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 1.000.000.000đồng.

[4] Bị đơn cũng thừa nhận là có ký và nhận tiền cọc của nguyên đơn, bị đơn cho rằng không muốn bán cho nguyên đơn nữa với lý do nếu bán với giá 1.400.000.000đồng thì bị đơn không đủ tiền mua lại nhà khác để ở và sau khi nhận tiền cọc thì các con của bị đơn không đồng ý cho bị đơn bán. Cho nên, bị đơn có đến nhà giao cho nguyên đơn 1 sổ tiết kiệm ghi số tiền 400.000.000đồng do bị đơn đứng tên và 100.000.000đồng tiền mặt.

Xét thấy:

[5] Về yếu tố lỗi: Khi ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng nhà và đất thì các đồng sở hữu tài sản cũng biết, thỏa thuận và có đồng ý với bị đơn nên bị đơn mới ký hợp đồng đặt cọc và bị đơn đã nhận tiền cọc đầy đủ từ nguyên đơn. Sau đó, bị đơn đưa ra các lý do trên để trả lại tiền cọc như ban đầu là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đưa ra lý do tài sản thuộc đồng sở hữu, các sở hữu còn lại không đồng ý mà nguyên đơn vẫn nhận chuyển nhượng và phía bị đơn cho rằng bà Võ Thị T chưa hỏi hết ý kiến của những người cùng sở hữu nên cả nguyên đơn và bị đơn cùng có lỗi. Xét thấy:

[6] Thứ nhất, các đồng sở hữu như bà C, ông T thừa nhận là bị đơn dẫn nguyên đơn đến gặp bà C và ông T để lập văn bản đồng ý bán cho nguyên đơn, tức những người đồng sở hữu cũng biết về việc mua bán này.

[7] Thứ hai, sau khi nhận tiền cọc đầy đủ từ nguyên đơn thì bị đơn thay đổi ý kiến với lý do như đã phân tích như trên, tức là ý kiến chủ quan của bị đơn. Còn về người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn không đủ tư cách chuyển nhượng nhà đất, nhà đất chưa được cấp giấy sang tên cho bị đơn, hình thức hợp đồng đặt cọc không có công chứng là vô hiệu về mặt hình thức là chưa chính xác vì khi bị đơn cùng các đồng sở hữu đồng ý chuyển nhượng và đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp đồng đặt cọc không bắt buộc phải công chứng theo quy định điểm a và b khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 hay khoản 1

Điều 122 của Luật Nhà ở năm 2014 như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nại ra. Do đó, lỗi trong quan hệ hợp đồng đặt cọc là lỗi hoàn toàn của bị đơn.

[8] Do đó, trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận nếu bị đơn không tiếp tục chuyển nhượng nhà và đất cho nguyên đơn thì bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 1.000.000.000đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự thì “*nếu bên nhận cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc...*”. Như vậy, việc bị đơn đơn phương không tiếp tục thực hiện chuyển nhượng nhà và đất thì bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn một khoản tiền tương đương với số tiền cọc 500.000.000đồng mà nguyên đơn giao cho bị đơn, tức bị đơn phải bồi thường 1.000.000.000đồng cho nguyên đơn. Còn việc bị đơn cho rằng có đưa 1 sổ tiết kiệm có ghi số tiền 400.000.000đồng đứng tên bị đơn và 100.000.000đồng tiền mặt cho nguyên đơn để trả tiền cọc thì việc giao nhận này nguyên đơn không thừa nhận là tiền nhận lại tiền cọc từ bị đơn và sổ tiết kiệm vẫn đang đứng tên sở hữu là bị đơn thì bị đơn vẫn là người hưởng lãi suất. Về số tiền mặt 100.000.000đồng mà nguyên đơn đang giữ thì do bị đơn tự ý đem đến nhà gửi nguyên đơn, nguyên đơn không thừa nhận là tiền nhận lại tiền cọc và bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho vấn đề này.

[9] Trong phần tuyên án của cấp sơ thẩm chưa nêu nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn một sổ tiết kiệm có ghi số tiền 400.000.000đồng đứng tên bị đơn và 100.000.000đồng tiền mặt là thiếu sót, tuy nhiên trong phần nhận định cấp sơ thẩm có nêu phần này. Xét thấy, đây là lỗi thiếu sót không đáng kể, không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[10] Từ những phân tích trên cho thấy không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nhận cọc là 500.000.000đồng và 500.000.000đồng tiền phạt cọc, tổng cộng là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng).

Khi bị đơn trả xong số tiền nêu trên, nguyên đơn có nghĩa vụ giao trả cho bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01325 do Ủy ban nhân quận N cấp ngày 07/01/2009 (tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị H); 01 sổ tiết kiệm ghi số tiền 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) và 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) tiền mặt.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu: 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).
 - Nguyên đơn được nhận lại 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000298 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001716 ngày 04/9/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/12/2019)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Bích Vân Phạm Hoàng Dũng

Lê Thị Minh Trang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. Ninh Kiều;
- Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Lê Thị Minh Trang